TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH** Số: 01/2021/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Yên Khánh, ngày 05 tháng 01 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 113/2020/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Đinh Văn T - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 28 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ□ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1 Về con: Giao cháu Đinh Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đu 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh Đinh Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị H. Anh Đinh Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn T không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung, riêng và công nợ, còn về đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn nên chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002280 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi gửi</u>:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Đức L -Nho Quan-Ninh Bình.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung